

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-ST
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bào

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 179/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Bị cáo: Hoàng Văn L, sinh ngày 16/4/1985; Giới tính: Nam.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm N, xã L, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12.

- Họ và tên cha: Hoàng Quốc L1, sinh năm 1955

- Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1953

- Anh chị em ruột: Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai.

- Vợ: Triệu Thị Kim T, sinh năm 1985

- Con: có 02 con, lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đầu thú, bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị hại:

Anh Trần Minh Q, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hoàng Văn L, sinh năm 1985, trú tại xóm N, xã L, tỉnh Thái Nguyên làm công nhân tại xưởng A1, Công ty trách nhiệm hữu hạn L2 - Khu công nghiệp Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 19 giờ ngày 29/7/2025, L đến xưởng A1 của Công ty để làm việc, đến khoảng 03 giờ 15 phút ngày 30/7/2025 do được nghỉ giải lao nên L đến khu vực dây A xưởng A1 tủ đồ số A-220 của của L để lấy điện thoại sử dụng. Khi đi qua dây H xưởng A1, tủ đồ cá nhân số H -170 của anh Trần Minh Q, sinh năm 2005, trú tại tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh (là công nhân Công ty) L thấy tủ đồ của anh Q có khóa bằng kim loại, trên mặt khóa có các phím số khác nhau (6 số) để ấn mật khẩu nhưng anh Q chưa khóa hết số, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên L nảy sinh ý định mở tủ đồ cá nhân của anh Q để trộm cắp tài sản, thực hiện ý định đó, L tiến lại tủ đồ của anh Q, sau đó dùng tay trái cầm khóa, tay phải gạt lẫy ở đáy ổ khóa thì mở được khóa, L mở tủ thì phát hiện bên trong tủ anh Q để 01 chiếc túi đeo màu nâu, bên trong có để 01 chiếc ví da và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11, loại XS Max đeo ốp nhựa màu nâu, lắp sim V, L tắt nguồn chiếc điện thoại, sau đó cầm chiếc túi trên cùng các tài sản trộm cắp mang cất giấu chiếc điện thoại di động cùng chiếc ví da vào tủ đồ số A-220 của L còn chiếc túi xách L mang sang để lại vào tủ đồ số H-170 của anh Q và khóa tủ lại rồi vào xưởng làm việc tiếp. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, L tan ca làm và mang ví da cùng chiếc điện thoại trộm cắp được về phòng ký túc xá của Công ty, sau đó kiểm tra thì thấy trong ví có 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 căn cước công dân đều mang tên Trần Minh Q, do chiếc điện thoại của anh Q để mật khẩu, L thử dò mật khẩu nhưng không mở được. Do đó, L đã cất giấu chiếc ví và chiếc điện thoại trong vali cá nhân đặt trên giường của L.

Khoảng 6 giờ ngày 30/7/2025, anh Trần Minh Q sau khi tan ca làm, anh Q đến tủ đồ cá nhân để lấy điện thoại đi về thì phát hiện bị trộm cắp điện thoại di động, vì bên trong có các giấy tờ như trên. Ngày 07/8/2025, anh Q đến công an phường N, tỉnh Bắc Giang trình báo mất trộm. Cùng ngày 07/8/2025, công an phường N đã rà soát và triệu tập bị cáo L đến trụ sở làm việc, thấy hành vi phạm tội bị phát hiện nên bị cáo L đã đầu thú và giao nộp: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, loại XS Max có đeo ốp nhựa màu nâu; 01 chiếc ví da in chữ “Playboy”; 01 Giấy phép lái xe và 01 thẻ căn cước công dân mang tên anh Trần Minh Q. Sau đó, công an phường N đã bàn giao bị cáo L cùng vật chứng, tài liệu cso liên quan đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để xử lý theo quy định.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho L xác định chỉ hiện trường nơi thực hiện hành vi phạm tội, kết quả L đã chỉ xác định trộm cắp tài sản của anh Q tại tủ đồ cá nhân H-170 khu vực tủ đồ cá nhân tầng 1, xưởng A1 Công ty TNHH L2 và tủ đồ số A-220 là nơi L cất giấu tài sản trộm cắp.

Cơ quan điều tra đã thu giữ đoạn Video ghi lại hình ảnh liên quan đến phạm tội của Hoàng Văn L tại khu vực để tủ đồ xưởng A1, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho L xem, nhận diện người trong đoạn Video, kết quả L xác định hình ảnh người

mặc quần áo công nhân, đội mũ màu trắng xuất hiện lúc 03 giờ 19 phút tại tủ đồ số H-120 mở tủ đồ trộm cắp tài sản của anh Q là L.

Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh kết luận tổng tài sản trộm cắp trị giá 3.733.332 đồng, trong đó: chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, dung lượng 64GB trị giá 3.666.666 đồng; 01 phôi sim thường nhà mạng Viettel trị giá 30.000 đồng; 01 chiếc ốp lưng nhựa trị giá 18.333 đồng; 01 chiếc ví da màu đen, loại ví gấp mặt ngoài in chữ “Playboy” trị giá 18.333 đồng.

*Tại Bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 02/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Hoàng Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Văn L cho UBND xã L, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Hình phạt bổ sung: Không có

- Về xử lý vật chứng: Không có

-Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai, nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng

mặt những người trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi thực hiện: Lời khai của bị cáo Hoàng Văn L tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 30/7/2025, tại tủ để đồ cá nhân của công nhân dẫy H xưởng A1, Công ty TNHH L2 thuộc Khu công nghiệp Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh, lợi dụng anh Trần Minh Q là công nhân của Công ty đang làm việc, tủ đồ cá nhân số H-170 của anh Q chưa khóa hết số, Hoàng Văn L đã lén lút mở khóa số tủ đồ của anh Q trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 XS Max màu vàng, dung lượng 64GB đeo ốp nhựa màu nâu, bên trong điện thoại lắp sim Viettel cùng 01 chiếc ví da, với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 3.733.332 đồng. Đến ngày 07/8/2025 L đến Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh đầu thú.

Bị cáo Hoàng Văn L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sơ hở của người khác đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Hành vi nêu trên của bị cáo Hoàng Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy:

Bị cáo đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, còn gây mất trật tự trị an xã hội, làm dao động trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần có hình phạt phù hợp để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không phải áp dụng hình phạt bổ sung

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, xét thấy bị cáo Hoàng Văn L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, đầu thú, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Minh Q đã lấy lại tài sản đã mất, không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại anh Trần Minh Q 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS max màu vàng cùng 01 sim Viettel và 01 ốp nhựa; 01 chiếc ví da màu đen; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Minh Q. HĐXX không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Văn L cho UBND xã L, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Hoàng Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Hoàng Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh ;
- VKSND Khu vực 2 -Bắc Ninh;
- Trại tạm giam số 2-Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sứ

